

Số: /QĐ-UBND

Quang Phục, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao chỉ tiêu kế hoạch đào đắp thủy lợi nội đồng
phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023- 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG PHỤC

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về chống hạn, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023-2024;

Căn cứ thực trạng hệ thống công trình thủy lợi của xã và nhu cầu nguồn nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023 - 2024;

Xét đề nghị của công chức Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp & Môi trường xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch đào đắp thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất Đông Xuân năm 2023- 2024 cho các Thôn cụ thể như sau:

- Tổng khối lượng đào đắp đất 2.900 m³
- Ngày phát động: 05/11/2023; Ngày hoàn thành: 20/12/2024.

(Có biểu giao chỉ tiêu kế hoạch cho các thôn kèm theo)

Điều 2. Các thôn có trách nhiệm huy động nhân lực, vật tư, phương tiện tại địa phương để tổ chức thi công các công trình, hoàn thành khối lượng được giao đúng tiến độ quy định, đảm bảo chất lượng.

Thành viên Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã, HTX nông nghiệp theo dõi, hướng dẫn các thôn các giải pháp kỹ thuật trong công tác thủy lợi nội đồng.

Điều 3. Các ông (bà) Công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; các ông (bà) thôn Trưởng và các thành viên Ban chỉ sản xuất nông nghiệp xã, HTX nông nghiệp căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Tiên Lãng;
- Phòng NN-PTNT huyện;
- Đảng ủy-HĐND-UBND xã;
- Thành viên Ban chỉ đạo SXNN xã;
- 13 thôn;
- Lưu : VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đoàn

**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐÀO ĐẮP THỦY LỢI NỘI ĐỒNG
VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân xã Quang Phục

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CHIỀU DÀI KÊNH (M)	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP (M³)
1	Lật Khê	2.000	130
2	Lật Dương	5.000	350
3	Thôn Nêu	3.500	230
4	Khôi Vỹ Thượng	3.700	250
5	Khôi Vỹ Hạ	3.700	200
6	Chính Nghị	3.283	150
7	Trà Đông	3.500	230
8	Chính Lý	3.300	200
9	Kỳ Vỹ Thượng	3.800	250
10	Kỳ Vỹ Hạ	3.500	170
11	Trung Mai	3.700	240
12	Bình Huệ	4.000	250
13	Hoàng Đông	4.000	250
	Tổng cộng	46.983	2.900